

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Minh Thiệp.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Ngọc S, sinh năm 1978 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Bùi Ngọc H, sinh năm 1985.

Cùng cư trú tại: Ấp M, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 bà Bùi Ngọc H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Ngọc S trình bày: Ông và bà Bùi Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007 đến năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu

thuần thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm. Do đó, vợ chồng không còn chung sống từ năm 2017 đến nay. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đích của hôn nhân không đạt được nên ông yêu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Bùi Ngọc H. Ông và bà H có hai người con chung tên Phạm Xuân T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2008 và Phạm Tiến Th, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2009, con chung đang chung sống với ông. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 26 tháng 02 năm 2019 bà Bùi Ngọc H trình bày: Bà và ông Phạm Ngọc S tự nguyện chung sống với nhau năm 2009 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông S yêu cầu ly hôn bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Phạm Ngọc S. Về con chung: Có hai người con chung tên Phạm Xuân T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2008 và Phạm Tiến Th, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2009 đang do ông S trực tiếp nuôi dưỡng, bà đồng ý giao hai con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S, giao hai người con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Ngọc S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Bùi Ngọc H, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Bùi Ngọc H là bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Bùi Ngọc H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc S và bà Bùi Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của ông S và ông H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa ông S giữ yêu cầu ly hôn với bà H vì cho rằng ông không còn thương yêu bà H. Tại bản tự khai ngày 26 tháng 02 năm 2019 bà H đồng ý ly hôn với ông S. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông S và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Phạm Ngọc S ly hôn với bà Bùi Ngọc H.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông S và bà H có hai người con chung tên Phạm Xuân T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2008 và Phạm

Tiến Th, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2009 đang do ông S trực tiếp nuôi dưỡng, ông S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại bản tự khai ngày 26 tháng 02 năm 2019 bà H đồng ý giao con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa ông S và bà H là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật phù hợp với nguyện vọng của hai người con chung thể hiện tại các bản tự khai ngày 26 tháng 2 năm 2019 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông S và bà Hận, giao hai người con chung tên Phạm Xuân T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2008 và Phạm Tiến Th, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2009 cho ông Phạm Ngọc S trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Ông S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung ông S, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông S phải chịu 300.000đ, ông S đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

\* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Ngọc S và bà Bùi Ngọc H.

- Về quyền nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Phạm Ngọc S và bà Bùi Ngọc H, giao hai người con chung tên Phạm Xuân T (giới tính nam), sinh ngày 02 tháng 02 năm 2008 và Phạm Tiến Th (giới tính nam), sinh ngày 17 tháng 11 năm 2009 cho ông Phạm Ngọc S trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Ông Phạm Ngọc S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019035 ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; ông S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, Ông Phạm Ngọc S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Bùi Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Việt Triều**